**Quy trình 51: Quy trình sản xuất cây** **dâu tằm**

*(Morus alba L.)*

**Phần I. QUY TRÌNH SẢN XUẤT**

**1. Thông tin chung**

1.1. Xuất xứ của quy trình

Quyết định số 81/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum và thực tế trồng dâu tằm tại địa phương.

1.2. Phạm vi, đối tượng áp dụng:

Quy trình sản xuất này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trồng dâu tằm tại Đồng Nai.

1.3. Mục tiêu kinh tế kỹ thuật

- Thời gian kiến thiết cơ bản: 1 năm

- Chu kỳ kinh doanh: 5 năm. (nếu kéo dài thời gian cây dễ chồi gốc).

- Năng suất bình quân giai đoạn kinh doanh: 18 tấn/ha (18.000 kg/ha).

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm thu hoạch** | **Năng suất (kg/ha)** |
| Thứ 1 | 15.300 |
| Thứ 2 | 22.500 |
| Thứ 3 | 22.500 |
| Thứ 4 | 16.200 |
| Thứ 5 | 13.500 |

**2. Nội dung quy trình**

2.1.Yêu cầu về điều kiện ngoại cảnh

a) Nhiệt độ: thích hợp 24 - 320C, khi nhiệt độ trên 400C một số bộ phận của cây dâu bị chết, ở nhiệt độ 00C cây dâu ngừng sinh trưởng, nhiệt độ không khí tăng trên 120C thì cây dâu bắt đầu nảy mầm.

b) Ánh sáng: cây dâu là loại cây trồng ưa ánh sáng, năng suất chất lượng lá có quan hệ mật thiết với điều kiện chiếu sáng. Số giờ chiếu sáng 10 - 12 giờ/ngày là tốt nhất. Thiếu ánh sáng lá dâu mỏng, thân mềm yếu, chất lượng lá dâu kém.

c) Ẩm độ: thích hợp cho cây dâu sinh trưởng từ 70-80%. Là cây trồng tương đối chịu hạn, nhưng nếu thiếu nước thì cây ngừng sinh trưởng.

d) Đất đai: Cây dâu có khả năng thích ứng tốt với nhiều loại đất, tuy nhiên để có năng suất, chất lượng lá tốt và kéo dài chu kỳ kinh doanh, cần chọn đất có bề dày tầng canh tác. Tuy nhiên cây dâu có khả năng thích ứng với pH từ 4,5 - 9,0.

Cây dâu chịu mặn kém. Ở những nơi có độ mặn thấp < 0,2% cây sinh trưởng tốt, độ mặn ≥ 1% cây sẽ chết.

2.2. Kỹ thuật trồng, chăm sóc

a) Giống

Một số giống dâu đang trồng phổ biến là giống bầu đen, giống S7-CB, giống VA-201, tổ hợp lai TBL-03, giống VA-186, giống dâu Sa nhị luân,...

b) Thiết kế vườn trồng

Chọn đất bằng, vùng đồi có độ dốc nhỏ hơn 150. Đất dốc dưới 60, dốc cục bộ 80 thiết kế hàng thẳng song song với đường bình độ chính. Đất dốc trên 60 thiết kế hàng dâu theo đường đồng mức, làm gờ tầng, trong quá trình chăm sóc dần dần sẽ tạo thành các bậc thang hẹp để hạn chế xói mòn.

c) Bố trí mật độ và khoảng cách

- Mật độ trồng phụ thuộc thổ nhưỡng và thâm canh, khoảng cách 1,2 m x 0,3 m.

- Lượng hom giống sử dụng 27.778 hom/ha. Tương đương 2.778 cây/ha (tính trung bình 10 hom/cây).

d) Thời vụ

Trồng tốt nhất là đầu mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 5 dương lịch.

đ) Kỹ thuật trồng

Đất được cày sâu 35 - 40 cm trước khi trồng dâu 25 - 30 ngày. Sau khi cày đất và thiết kế lô thửa, rạch hàng rộng 0,3 - 0,5 m; sâu 0,35 - 0,4 m vùng đồi núi chú ý rạch hàng theo đường đồng mức.

Trồng dâu bằng hom: Cắm hom xiên áp dụng với đất có tỉ lệ sét cao và đất ẩm, cắm hom xiên 450 cắm sâu ¾ chiều dài hom vào trong đất ¼ hom trên mặt đất. Cắm thẳng đứng áp dụng đất đồi có độ ẩm kém, cắm hom thẳng đứng trong đất chỉ chừa 1 mắt trên mặt đất.

Trồng dâu bằng cây con: Thời gian trong vườn ươm thường 50 - 60 ngày, khi cây trong vườn ươm đạt chiều cao 40 - 50 cm, đường kính thân đạt 0,3 cm trở lên thì nhổ đem trồng.

Kỹ thuật trồng dâu bằng cây con: Khi đặt cây dâu không để rễ cây tiếp xúc trực tiếp với lớp phân bón ở rãnh, giữ cho rễ cây dâu con thẳng, không bị cuộn lại, lấp đất kín phần cổ rễ, nén chặt đất xung quanh gốc.

e) Chăm sóc, tưới nước và làm cỏ

Chăm sóc sau khi trồng 10 - 15 ngày, hom bắt đầu nẩy mầm, tưới nước và làm cỏ thường xuyên tránh va chạm vào cây khi làm cỏ. Sau trồng 2 - 3 tháng nên trồng dặm để đảm bảo mật độ, có thể trồng dặm bằng hom hoặc cây con, tốt nhất là dặm bằng cây con. Định hình cây khi hái lá: Tỉa để mỗi gốc từ 2 - 3 thân chính, thường xuyên tỉa cành cấp 2.

 Làm cỏ tùy điều kiện từng nơi có thể làm cỏ gốc, cỏ giữa hàng 2 lần và xới xáo gốc 1-2 lần/năm.

Bón phân

Bảng 1: Bón phân/năm

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại phân** | **Đơn vị tính** | **Lượng bón** | **Bón lót (%)** | **Bón thúc (kg)** |
| **Lần 1** | **Lần 2** | **Lần 3** | **Lần 4** | **Lần 5** |
| 1 | Phân chuồng hoai mục hoặc hữu cơ vi sinh | Kg | 4.000 | 100 | - | - | - | - | - |
| 2 | Phân Urê | Kg | 150 | - | 30 | 30 | 30 | 30 | 30 |
| 3 | Phân Super lân | Kg | 400 | 100 | - | - | - | - | - |
| 4 | Phân Kali Clorua | Kg | 120 | - | 24 | 24 | 24 | 24 | 24 |
| 5 | Vôi | Kg | 400 | 100 | - | - | - | - | - |

- Bón lót toàn bộ phân hữu cơ vi sinh, phân lân và vôi.

- Bón thúc:

Lần 1: Sau 1 tháng bón đợt đầu tiên, định kỳ 1 lần/tháng (từ tháng 6-10)

Bảng 2: Bón phân từ năm thứ 2-trở đi

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại phân** | **Đơn vị tính** | **Lượng bón** | **Số lần bón** |
| **Lần 1** | **Lần 2** | **Lần 3** | **Lần 4** | **Lần 5** |
| 1 | Phân Urê | Kg | 200 | 40 | 40 | 40 | 40 | 40 |
| 2 | Phân Super lân | Kg | 500 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 3 | Phân Kali Clorua | Kg | 200 | 40 | 40 | 40 | 40 | 40 |

h) Quản lý sinh vật gây hại

- Quản lý sinh vật gây hại dựa trên 6 nguyên tắc Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) gồm: đất khỏe; cây trồng khỏe; đầu tư thông minh; bảo vệ môi trường sinh thái; giám sát và kiểm tra đồng ruộng; nông dân chuyên nghiệp và có trách nhiệm.

**- Một số sinh vật gây hại chính, biện pháp phòng chống**

*Sâu bệnh gây hại chính:* Sâu đục thân, bọ gạo, sâu cuốn lá, sâu đo, sâu róm và các loại rầy rệp truyền bệnh virus xoăn lá, bệnh đốm lá, cháy lá, gỉ sắt, xoăn lá

*Biện pháp phòng chống:*

Cần hái lá kịp thời và vệ sinh đồng ruộng.

2.3. Thu hoạch Chọn lá theo đúng yêu cầu của tằm, ít ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây, giảm tỷ lệ sâu bệnh, tốn công lao động. Việc thu hái trên một lô dâu cần tập trung trong khoảng 7 - 10 ngày, không nên kéo dài làm ảnh hưởng đến quá trình chăm sóc vườn dâu.

- Phương pháp thu hoạch bằng cách cắt cành: ít tốn công lao động, làm cho tươi dâu, dễ bảo quản, làm cho khoảng cách giữa các lứa nuôi dài hơn và có thời gian để chăm sóc. Phương pháp cắt cành chỉ nên áp dụng cho những vùng đất tốt.

**Phần II.** **ĐỊNH MỨC VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, CÔNG LAO ĐỘNG**

Quy mô: 1ha khoảng cách 1,2 m x 0,3 m. lượng hom giống sử dụng 27.778 hom/ha. Tương đương 2.778 cây/ha (tính trung bình 10 hom/cây).

**1. Định mức vật tư**

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm trồng mới** | **Năm 1** | **Năm 2- trở đi** |
| 1 | Cây giống | Cây | 2.778 | - | - |
| 2 | Phân chuồng hoai mục hoặc hữu cơ vi sinh | Kg | 4.000 | - | - |
| 3 | Phân Urê | Kg | 150 | 200 | 300 |
| 4 | Phân Super lân | Kg | 400 | 500 | 500 |
| 5 | Phân Kali Clorua | Kg | 120 | 200 | 200 |
| 6 | Vôi | Kg | 400 | - | - |

**2. Định mức lao động**

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm trồng mới** | **Năm 1** | **Năm 2- trở đi** |
| 1 | Làm đất, trồng | Công | 50 | - | - |
| 2 | Làm cỏ, chăm sóc | Công | 30 | 30 | 30 |
| 3 | Bón phân | Công | 20 | 20 | 25 |
| 4 | Công đốn | Công | - | 25 | 30 |
|  | **Tổng cộng** |  | **100** | **75** | **85** |